TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DSST
Ngày: 26/01/2024
V/v tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Kiều Oanh**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Chính;**
2. Ông **Nguyễn Đình Thung;**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 418/2023/TLST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST – DS ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Thị Kim K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Trương Thị Ngọc Y, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Kim K có đại diện ủy quyền là chị Trương Thị Ngọc Y có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án phía chị K trình bày:

Giữa chị và bà T là hàng xóm, bà T là đầu thảo, chị là hụi viên tham gia chơi hụi do bà T làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 20/4/2021 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng , có 31 phần, chị tham gia 02 phần, hụi mãn ngày 20/9/2023 âm lịch, chị đã hốt được 01 phần, phần còn lại chị đóng được 30 kỳ hụi sống được số tiền 30.000.000 đồng, chưa hốt hụi thì hụi bể, dây hụi này bà T còn nợ chị 30.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi mở ngày 10/02/2023 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng , có 25 phần, chị tham gia 04 phần, hụi mãn ngày 10/01/2025 âm lịch, chị đóng được 07 kỳ hụi sống được số tiền 56.000.000 đồng, chưa hốt hụi thì hụi bể, dây hụi này bà T còn nợ chị 56.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi mở ngày 10/02/2023 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng , có 31 phần, chị tham gia 04 phần, hụi mãn ngày 10/7/2025 âm lịch, chị đóng được 07 kỳ hụi sống được số tiền 28.000.000 đồng, chưa hốt hụi thì hụi bể, dây hụi này bà T còn nợ chị 28.000.000

đồng.

Ngoài ra, chị còn mua 06 phần hụi của dây hụi 1.000.000 đồng, với tổng số tiền là 100.760.000 đồng.

Ngày 10/8/2023, bà T tuyên bố bể hụi, ngay khi bể hụi, chị có đến nhà bà T năn nỉ đối chiếu xác nhận nợ hụi, bà T có ký tên xác nhận nợ vào các giấy hụi, hiện nay bà T cố tình trốn tránh không muốn trả nợ cho chị cũng như các hụi viên khác.

Nay chị yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ hụi là 214.760.000 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm khác.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kim K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn là chị Trương Thị Ngọc Y có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[3] *Về nội dung*: Chị Trương Thị Kim K yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho chị K số tiền hụi là 214.760.000 đồng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giữa chị K và bà T có quan hệ giao dịch góp hụi, có làm giấy tay có bà T ký tên nhận nợ, chị K có cung cấp các bản chính ghi nợ tiền hụi của bà T cho Tòa án. Trong suốt quá trình tố tụng, bà T vắng mặt không đến Tòa án mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như không gởi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị K, chứng tỏ bà T đã từ bỏ quyền lợi của mình, không phản đối gì đối với yêu cầu của chị K. Như vậy, chị K yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả 214.760.000 đồng tiền nợ hụi là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thời hạn trả nợ: Chị K yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Kim K.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị Kim K số tiền 214.760.000 đồng *(Hai trăm mười bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng),* ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp 10.738.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho chị Trương Thị Kim K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.369.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012618 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.